

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ
xây dựng nông thôn mới cho thành phố Quảng Ngãi năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 26/5/2021 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới của Đoàn thẩm tra tỉnh, Văn bản đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới của các sở ngành tỉnh; ý kiến góp ý của các tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ, đề nghị xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thành phố Quảng Ngãi năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 08/6/2021 đến ngày 30/8/2021.

1. Về hồ sơ

UBND thành phố Quảng Ngãi đã có:

- Bản đăng ký thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố đến năm 2020;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới;
- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố;
- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố.

2. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố: 14 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 14 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

3. Về kết quả xây dựng nông thôn mới

3.1. Quy hoạch

14/14 xã trên địa bàn thành phố đã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố.

Sau khi quy hoạch được phê duyệt các xã đã tổ chức công bố công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch tại UBND xã, nhà văn hóa các thôn để nhân dân biết thực hiện. UBND thành phố cũng ban hành quyết định quy định quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt đối với các xã.

Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã NTM đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

3.2. Giao thông

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường thành phố được đầu tư nhựa hóa, bê tông xi măng 91,37 km, đạt 100% (quy định $\geq 90\%$).

Đường thôn, trục thôn: số km đã thực hiện bê tông hóa 178,52/182,32km, đạt 97,92% (quy định $\geq 70\%$), số km đường còn lại được hóa bằng cấp phối, lu lèn, đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường ngõ, xóm: 100% số km sạch, không lầy lội vào mùa mưa, số km được cứng hóa 158,65/174,38 km, đạt 90,98% (quy định $\geq 70\%$).

Đường trục chính nội đồng được cứng hóa 53,73/61,64 km, đạt 87,17% (quy định $\geq 70\%$).

3.3. Thủy lợi

Số km kênh mương loại III do xã quản lý được kiên cố hóa 109,9 km, đạt 71,24% (quy định $\geq 55\%$).

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 5.721,58/6.340,27 ha, đạt 90,24%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động 6.786,63/7.253,78 ha, đạt 93,56% (quy định $\geq 80\%$).

Hệ thống thủy lợi của tất cả các xã trên địa bàn thành phố đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, dân sinh, đảm bảo phòng chống thiên tai và đáp ứng tốt yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

3.4. Điện

Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo nguồn cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất kinh doanh của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Riêng các xã trên địa bàn thành phố có 110,39 km đường dây trung áp, 284,707 km đường dây hạ áp và 135 trạm biến áp đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện; Hệ thống lưới điện đạt chuẩn theo quy định; Số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

3.5. Trường học

Đến cuối năm 2020, trên địa bàn thành phố có 06/06 trường THPT có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100%. Riêng trên địa bàn 14 xã có 39 cơ sở giáo dục công lập, gồm: 14/14 trường Mầm non, 10/10 trường Tiểu học, 09/09 trường THCS, 05/05 trường Tiểu học và THCS, 01/01 trường THPT có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100%. Phần lớn các trường đều thực hiện trồng hoa, cây cảnh, cây xanh bóng mát tạo cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp, thoáng mát.

3.6. Cơ sở vật chất văn hóa

14/14 xã có nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng, sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của người dân; Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

68/68 thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn theo quy định, đạt tỉ

lệ 100%; Mạng lưới nhà văn hóa - khu thể thao hoạt động thường xuyên, có hiệu quả và là nơi tổ chức hội họp của nhân dân, các đoàn thể, là nơi sinh hoạt của các câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn.

3.7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Thành phố Quảng Ngãi có 08/14 xã (*Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện, Tịnh Châu, Tịnh Khê, Tịnh Long, Tịnh An, Nghĩa Phú, Nghĩa An*) có chợ nông thôn phù hợp với Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh; các hạng mục công trình của chợ đều được đầu tư xây dựng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật: kết cấu nhà chính, các lô, sạp, cấp thoát nước, thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy hoạt động ... Ban quản lý chợ do UBND các xã thành lập, tổ chức quản lý điều hành các hoạt động tại chợ.

Số xã còn lại không có chợ: xã Tịnh Ân Tây không quy hoạch chợ và 05 xã (*Tịnh Ân Đông, xã Tịnh Hòa, Nghĩa Hà, Nghĩa Dũng, Nghĩa Đông*) có quy hoạch chợ nhưng trong giai đoạn 2016-2020 chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, các xã đều có cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Hệ thống chợ nông thôn và các cửa hàng kinh doanh tổng hợp trên địa bàn các xã của thành phố đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân nông thôn; đồng thời, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3.8. Thông tin và Truyền thông

Trên địa bàn thành phố có 14/14 xã có điểm Bưu điện văn hóa xã. Các điểm Bưu điện văn hóa xã đảm bảo cơ sở vật chất, thời gian mở cửa phục vụ và cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính trên địa bàn xã; 100% xã được phủ sóng thông tin di động để cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn; Internet băng thông rộng (cố định, di động) được cung cấp đến tất cả các thôn trên địa bàn xã.

Hệ thống Đài truyền thanh không dây 14 xã đã được xây dựng, lắp đặt và hoạt động tốt, 68/68 thôn có hệ thống loa phát thanh hoạt động thường xuyên để cung cấp thông tin cần thiết đến với nhân dân.

Đảng ủy, HĐND và UBND của 14/14 xã có kết nối Internet; sử dụng phần mềm iOffice để liên thông gửi, nhận văn bản điện tử từ UBND xã đến các cơ quan trong tỉnh.

3.9. Nhà ở dân cư

Với việc thực hiện tốt chính sách nhà ở cho người nghèo, chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở cùng với việc thực hiện cuộc vận động xoá bỏ nhà tạm, nhà dột nát, đến nay trên địa bàn thành phố, tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng đạt 95,9% (33.879/35.345 nhà), không còn nhà tạm, nhà dột nát.

3.10. Thu nhập

Thành phố đã tập trung thực hiện các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển mọi lĩnh vực: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, kinh tế biển.... đặc biệt khai thác mọi tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ. Hỗ trợ xây dựng nhiều mô hình phát triển sản xuất từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, nhờ vậy thu nhập bình quân tăng lên hàng năm, năm 2011 chưa đến 14 triệu đồng/người/năm, đến năm 2020 đã đạt 41,9 triệu đồng/người/năm.

3.11. Hộ nghèo

Với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt trong công tác giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ cho người nghèo phát triển sản xuất, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; vận động quỹ vì người nghèo hỗ trợ hộ nghèo của cấp ủy, chính quyền thành phố. Nhờ đó tỷ lệ hộ nghèo giảm liên tục qua các năm, năm 2014: tỷ lệ hộ nghèo chiếm 6,4% đến cuối năm 2020 còn 2,01% (theo chuẩn nghèo nông thôn mới).

3.12. Lao động có việc làm

Số lao động trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động của 14 xã là 81.704 người, trong đó lao động có việc làm 76.018 người, đạt 91,92%.

3.13. Tổ chức sản xuất

Trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi hiện có 27 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, riêng 14 xã (xây dựng nông thôn mới) có 21 hợp tác xã, với trên 12.000 thành viên, trong đó có 15 hợp tác xã nông nghiệp, 6 hợp tác xã thủy sản, tất cả các hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Hoạt động dịch vụ chủ yếu của hợp tác xã: thủy lợi, sản xuất lúa giống, dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, tín dụng nội bộ, khuyến nông, bảo vệ thực vật...

Doanh thu bình quân 250 triệu đồng/HTX/năm, lợi nhuận bình quân năm 2020: 35 triệu đồng/HTX.

Nhiều HTX hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt những tiềm năng, thế mạnh của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; trong đó, một số HTX nông nghiệp đã phát huy được vai trò tiên phong trong công tác xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, từng bước hình thành các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững tại địa phương. Ngoài ra, còn thành lập 03 Tổ hợp tác, với 40 thành viên tham gia (gồm: 01 Tổ hợp tác chăn nuôi gà tại xã Tịnh An, với 10 thành viên và 02 Tổ hợp tác khai thác cát sạn ven bờ sông Trà Khúc tại xã Tịnh Ấn

Đông, Tịnh Long, với 30 thành viên) và thành lập 02 Tổ hội nghề nghiệp nông dân trồng hoa xã Nghĩa Hà, trồng rau diếp cá xã Tịnh Châu, với 40 thành viên tham gia.

3.14. Giáo dục và đào tạo

Hàng năm, thành phố được tỉnh kiểm tra, công nhận đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở.

Trên địa bàn 14 xã có 1.482/1.600 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc văn hoá, học nghề, chiếm tỷ lệ 92,6%.

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 53,97%.

3.15. Y tế

Mạng lưới y tế trên địa bàn thành phố không ngừng được củng cố và phát triển; Trạm y tế của các xã đều được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo yêu cầu; chất lượng khám và chữa bệnh ngày được nâng cao, góp phần cùng thành phố thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở 14 xã đạt 91,17%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 12,06%.

3.16. Văn hóa

100% số xã trên địa bàn thành phố được công nhận danh hiệu “xã văn hóa nông thôn mới”, 68/68 thôn 5 năm liền được công nhận Danh hiệu “thôn văn hóa”;

Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa ngày càng được phát huy và phát triển sâu rộng. Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới đa dạng về hình thức, nội dung, mang lại hiệu quả. Chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng tại các khu dân cư được đẩy mạnh phát triển và ngày càng đa dạng, thiết thực.

3.17. Môi trường và An toàn thực phẩm

Được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, tỉnh, trong những năm qua hệ thống cung cấp nước sinh hoạt ở nông thôn được đầu tư phát triển. Đã xây mới, nâng cấp, sửa chữa 07 công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn, gồm: Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khê – Kỳ; Nghĩa Phú; Tịnh Thiện; hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Vĩnh Sơn – Đông Thuận, xã Tịnh Hoà; di dân tái định cư tập trung dân vùng sạt lở ven sông xã Tịnh Long; cấp nước cho 4 khu dân cư xã Tịnh Long và công trình đầu nối khu dân cư Đông Thuận, xã Tịnh Hoà, với tổng kinh phí đầu tư 30,84 tỷ đồng. Nhờ đó, tỷ lệ

người dân nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đến cuối năm 2020 đạt 95,3%, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở các xã trên địa bàn thành phố đều đạt trên mức quy định ($\geq 60\%$).

100% số cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh, hoạt động làng nghề trên địa bàn các xã của thành phố có cam kết và đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường;

Các địa phương luôn vận động nhân dân thực hiện dọn vệ sinh môi trường định kỳ, nhiều trục đường chính trên địa bàn các xã được người dân trồng hoa, cây xanh góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp.

Các xã đều có quy hoạch nghĩa trang lâu dài, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Việc mai táng phù hợp với phong tục tập quán của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định.

Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thành phố được Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy xử lý rác thải Nghĩa Kỳ, các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng; nước thải cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn cơ bản được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt trên 85%;

Các xã đều hỗ trợ hộ xây dựng hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi, tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt trên 80%;

Trên địa bàn 14 xã có 4.058 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; có cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, đạt tỷ lệ 100%.

3.18. Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật

Cán bộ, công chức 13 xã: 270 người (không kể lực lượng công an chính quy), tất cả đều đạt chuẩn theo quy định;

Các xã đều có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị xã hội, các tổ chức luôn được quan tâm củng cố, kiện toàn đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và hàng năm được đánh giá xếp loại khá trở lên.

Năm 2020, Đảng bộ các xã được Thành uỷ Quảng Ngãi xếp loại tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Chính quyền các xã được UBND thành phố đánh giá, phân loại đạt loại Khá trở lên.

100% các tổ chức chính trị - xã hội ở các xã đạt loại khá trở lên.

Tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đều được Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Các xã đều có nữ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt hoặc đảm bảo tỉ lệ nữ đảng ủy viên trong Ban chấp hành đảng bộ xã. Phụ nữ yếu thế được bảo vệ và tạo điều kiện vay vốn phát triển kinh tế. Thường xuyên tuyên truyền Luật hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, thường xuyên duy trì công tác tuyên truyền về bình đẳng giới, các xã đều đã thành lập địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đảm bảo theo quy định.

3.19. Quốc phòng và An ninh

Hàng năm, thành ủy đều có Chỉ thị, Đảng ủy Quân sự thành phố Quảng Ngãi có Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Các xã đều thực hiện xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã đủ số lượng, đảm bảo trình độ chuyên môn, có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định. Hàng năm dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo quy định; Tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu, thực hiện phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, chiến đấu phòng thủ cấp xã.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn các xã thời gian qua được giữ vững ổn định, không có điểm nóng, không có trọng án xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm; tham gia quản lý, cảm hóa, giáo dục người lầm lỗi tại gia đình và cộng đồng. 14/14 xã được UBND thành phố công nhận xã đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*”. Công an tỉnh Quảng Ngãi xác nhận trong năm 2020, thành phố Quảng Ngãi đạt tiêu chí an ninh, trật tự xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

3.20. Về kết quả xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu

Trên cơ sở Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu được UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 11/10/2017, đến nay, trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi đã có 08 thôn của 08 xã được Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu” gồm: Thôn Kim Lộc, xã Tịnh Châu; thôn Tăng Long, xã Tịnh Long; thôn Mỹ Lai, xã Tịnh Khê; thôn Cổ Lũy Nam, xã Nghĩa Phú; thôn Tân Mỹ, xã Tịnh An, thôn Phổ Trung, xã Nghĩa An; thôn An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ và thôn Cộng Hòa xã Tịnh Ấn Tây.

Ngoài ra, thành phố đang triển khai nhân rộng ra các thôn của các xã trên địa bàn thành phố, tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực từ ngân sách thành phố và tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, đồng thời có giải pháp huy động các nguồn lực tại địa phương, ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn do địa phương quản lý để hỗ trợ đầu tư xây dựng các tiêu chí của Khu

dân cư nông thôn kiểu mẫu, phấn đấu đến năm 2025 có thêm 28 khu dân cư được công nhận.

4. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Theo nội dung Công văn 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tiêu chí xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Qua kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về kết quả xây dựng nông thôn mới

Đoàn thẩm tra của tỉnh đã xem xét, đánh giá và thống nhất đề nghị công nhận thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

III. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh,
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- VPUB: CVP, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNTV226.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền